

GIÁO TRÌNH LỊCH SỬ NHẬT BẢN

Biên soạn: Nguyễn Nam Trân

PHẦN HAI: MẠC PHỦ MUROMACHI VÀ EDO



Shôgun Tokugawa Ieyasu (1542-1616), người sáng lập Mạc phủ Edo

Những thời kỳ lịch sử đối tượng của Phần II quyển sách này:

Niên đại	Thời kỳ lịch sử
1333-1568	Muromachi
(1337-1392)	(Nam Bắc Triều)
(1467-1568)	(Chiến Quốc)
1568-1600	Adzuchi-Momoyama
1603-1868	Edo
(1603-1651)	(Tiền kỳ: Thành lập – võ đoán)
(1651-1716)	(Trung kỳ: Văn trị - chấn chỉnh)
(1716-1867)	(Hậu kỳ: Suy thoái - mở cửa biển)

MỤC LỤC

Chương I: Những chuyển biến trong xã hội quân nhân

- 1- Tổ chức cai trị của Mạc phủ Muromachi.
- 2- Nụy khấu và chính sách đối ngoại của Mạc phủ.
- 3- Tổ chức làng xã và các cuộc nổi loạn của nông dân.
- 4- Xã hội thời Muromachi.
- 5- Loạn Ōnin. Cuộc tranh đoạt thời Sengoku mở màn.
- 6- Các lãnh chúa Sengoku xuất hiện.

Chương II: Thể chế Mạc phiên thành hình

- 1- Thời kỳ hàng hải viễn dương bắt đầu.
- 2- Oda -Toyotomi và công cuộc thống nhất đất nước
- 3- Chính sách của chính quyền Toyotomi
- 4- Sự hình thành và tổ chức Mạc phủ Edo.
- 5- Chế độ cai trị của Mạc phủ và sinh hoạt dân chúng.
- 6- Từ mậu dịch bằng thuyền Shuin đến việc bế quan tỏa cảng.

Chương III: Thể chế Mạc phiên phát triển

- 1- Thời chính quyền Mạc phủ xác định vị trí.
- 2- Thời Genroku.
- 3- Chính sách của đại thần Arai Hakuseki.
- 4- Tình hình giao thông và công nghiệp thời Edo.
- 5- Cơ cấu thương nghiệp dưới thời Edo.

Chương IV: Thể chế Mạc phiên lung lay:

- 1- Cuộc cải cách năm Kyôho.
- 2- Chuyển biến của xã hội và thời kỳ Tanuma Okitsugu chấp chính.
- 3- Cuộc cải cách năm Kansei.
- 4- Chính sách đối ngoại thời Edo hậu kỳ.
- 5- Thời đại Ôgosho. Văn hoá Kasei.
- 6- Cải cách năm Tenpô. Các phiên trấn có thể lực lộ diện.

Chương I

Những chuyển biến trong xã hội quân nhân

Tiết 1: Tổ chức cai trị của Mạc phủ Muromachi.

1.1-Việc xác định quyền uy của Shôgun:

Trong phần II của Giáo Trình Lịch Sử Nhật Bản, trước tiên chúng ta sẽ đề cập đến công cuộc thống nhất hai triều đình Nam Bắc vốn đã phân ly trong nhiều năm do sự bất đồng về quyền thừa kế giữa nội bộ hoàng tộc. Kế tiếp ta sẽ bàn tới diễn biến chính trị của hai Mạc phủ Muromachi và Tokugawa cho đến thời điểm cuối thế kỷ 19, lúc nhà nước Nhật Bản đứng trước nguy cơ một mất một còn khi phải trả lời chấp nhận hay không yêu cầu của ngoại quốc đòi mở cửa thông thương.

Cuộc thống nhất hai triều Nam Bắc đã thành công vào năm Meitoku thứ 3 (1392) dưới thời Tướng Quân Ashikaga Yoshimitsu (Túc Lợi Nghĩa Mãn, 1358-1408), người cầm quyền Mạc Phủ Muromachi trong giai đoạn 1368-1394. Năm 1368 (Ôan nguyên niên), sau khi tức vị, Yoshimitsu đã dẹp yên cuộc nội chiến kéo dài cho đến lúc đó, thực hiện sự hòa giải giữa hai triều đình. Ông đặt Kyôto, trung tâm công thương nghiệp cả nước thời bấy giờ, dưới sự quản lý của mình. Đồng thời ông đã dành được quyền trưng thu một thứ thuế tạm thời gọi là tansen (đoạn tiền, đoạn (tan) là đơn vị đo đạc = 991,7 m²) đánh vào đồng ruộng ở các tiểu quốc địa phương để bù đắp kinh phí tổ chức lễ tức vị cho thiên hoàng, kiến tạo cung điện trong đại nội và sửa sang Thần cung Ise, nơi tế tự của hoàng tộc. Như thế, Yoshimitsu đã tước đoạt cái quyền mà xưa nay gia đình Thiên Hoàng xem như là của riêng họ. Đặt được hoàng gia dưới tay mình thì Mạc Phủ Muromachi đã có khả năng thành lập và xác định được một chính quyền thống nhất trên cả nước. Sự kiện này là tiền đề chúng ta nên chấp nhận trước khi muốn bàn xa hơn.

Tuy nhiên, cần biết thêm là lúc đầu, tại sao Mạc phủ lại mang tên Muromachi. Thực ra vào năm 1378 (Eiwa 4), Shôgun Yoshimitsu đã cho kiến tạo phủ đệ của mình trong vùng Muromachi (Thất Đình) ở Kyôto và cho trồng nhiều hoa thược cô lỵ (Muromachi còn có mỹ xưng là hana no gosho tức khu dinh thự đầy hoa)¹²⁶. Từ nơi đây, ông bắt đầu

¹²⁶ Còn có tên là Kaei (Hoa đình), Katei (Hoa đình) bởi vì xưa kia bên Trung Quốc, nơi tướng quân đóng

thực hiện chính trị của mình. Nếu chúng ta nhìn bức bình phong mang tên Rakuchuu rakugaizu byôpu (Lạc trung lạc ngoại đồ bình phong) (Lạc có nghĩa là kinh đô như thành Lạc Dương bên Trung Quốc), một tác phẩm mỹ thuật gồm nhiều bức¹²⁷, được vẽ ra trong khoảng thời Muromachi cho đến thời văn hóa Momoyama (Đào Sơn), ghi lại cảnh tượng bên trong và bên ngoài thành phố Kyôto, thì mới thấy nơi sinh hoạt của Yoshimitsu không xa đại nội nơi thiên hoàng sống bao nhiêu. Chẳng những thế, phủ đệ này lấy cảm hứng từ lối kiến trúc thời vương triều và qui mô của nó còn vượt hẳn chỗ ở của thiên hoàng.

Sự kiện chính trị dưới thời Shôgun Ashikaga Yoshimitsu (1358-1408)¹²⁸

Năm	Sự kiện nổi bật
1368	Shôgun đời thứ 2 Yoshikakira mất, Yoshimitsu (11 tuổi) kế vị. Trên thực chất, chức kanrei (quản lãnh) là Hosokawa Yoriyuki nắm quyền.
1378	Yoshimitsu dời dinh về Hana no gosho (Hoa ngự sở) ở Muromachi
1379	Shôgun lật đổ, bãi chức của Hosokawa và thi hành chính sách độc tài.
1383	Mặc phủ giành được quyền thu các thuế ruộng và thuế nóc gia.
1385	Mặc phủ lại nắm quyền cảnh sát và thủ bị kinh đô Kyôto.
1390	Loạn do nội tình gia đình họ Toki ở Ise. Thảo phạt Toki Yasuyuki.
1391	Loạn năm Meitoku ở San.in. Bị thảo phạt, Yamana Ujikiyo bại tử.
1391	Yoshimitsu thống nhất được hai triều đình Nam Bắc.
1393	Giành được quyền thu thuế kho hàng và quán rượu-tiệm cầm đồ.
1394	Yoshimitsu nhường vị cho Yoshimochi (chức vụ mặc phủ), lên làm Daijôdaijin (chức vụ triều đình) để thực thi “công vũ hợp nhất” giữa công khanh và vũ gia.
1395	Yoshimitsu xuất gia, pháp danh Dôgi (Đạo Nghĩa). Bãi chức Thủ hiến Kyuushuu của Imagawa Ryôshun vì sợ thế lực ông này quá mạnh.
1399	Loạn năm Ôei ở vùng Nagato-Suô. Ôuchi Yoshihiro bại tử.
1400	Thảo phạt Imagawa Ryôshun. Ryôshun được cho về ở ẩn.
1401	Yoshimitsu gửi sứ sang nhà Minh ngoại giao
1402	Yoshimitsu nhận sắc phong chức Quốc vương Nhật Bản từ nhà Minh

bình thường có hoa cô đẹp dễ như Liễu doanh của Chu Á Phu đời Hán.

¹²⁷ Loại bình phong mang đề tài này được nhiều họa sư khai thác vào cuối thời Muromachi. Sau được phát triển thành tranh cuộn (emaki) mô tả cuộc sống và phong tục chốn đề đô.

¹²⁸ Nguồn Nihonshi Zuroku (trang 119)

1404	Bắt đầu mậu dịch kangô (khám hợp) với nhà Minh.
1406	Vợ Yoshimitsu là Hinoyasuko trở thành mẹ đỡ đầu Thiên hoàng
1408	Muốn tiến vị, Yoshimitsu ngồi ngang vai với Thiên hoàng trong các buổi lễ. Tuy nhiên, sau khi Yoshimitsu chết, Yoshimochi phủ định sự nghiệp của cha.

Điều đó chứng tỏ rằng trong thời đại Muromachi, giai đoạn Yoshimitsu giữ chức Shôgun, là lúc mà quyền uy của nhà chúa lên đến cực điểm. Bởi vì bản thân Yoshimitsu đã nắm chức quan trọng nhất trong triều đình là Daijôdaijin (Thái chính đại thần), một điều chỉ có quyền thần Taira no Kiyomori đạt được trước đó. Ngay sau khi Yoshimitsu xuất gia và nhường lại chức Shôgun rồi, quyền uy của ông đối với mặt phủ lẫn triều đình vẫn còn nguyên vẹn.

Nền văn hoá tỏa sáng trong giai đoạn này là **văn hóa Kitayama (Bắc sơn)**. Đó là tên một khu vực ở Kyôto nơi ông có phủ đệ lúc nghỉ hưu. Yoshimitsu đã dùng quyền lực đã được ổn định của mình làm hậu thuẫn cho việc phát triển mọi lãnh vực từ học vấn, tôn giáo cho đến nghệ thuật mới được hồi sinh trở lại. Có thể nói ông đã biết đóng vai trò của một người bảo vệ văn hóa đúng nghĩa.

Nếu muốn tóm tắt đặc sắc của văn hóa Kitayama này trong một câu, ta có thể nói đó là một nền văn hóa qui tụ và điều hòa được cái hay cái đẹp của hai thứ văn hóa công khanh và vũ gia. Tượng trưng cho sự hòa hợp đó là ngôi gác dát vàng gọi là Kinkakuji (Kim Các Tự) dựng trong khuôn viên khu vực biệt thự của Yoshimitsu nằm ở khu Kitayama (Bắc sơn)¹²⁹. Qua cái gác dát vàng này, ta vừa thấy phong cách kiến trúc shindenzukuri (xây cất kiểu tẩm điện) có tính truyền thống mà xã hội công khanh đã phát triển tài bồi cho đến lúc ấy, lại vừa thấy phong cách Zenshuuyô (chùa Thiền) vốn được giới vũ sĩ yêu chuộng. Chính vì thế, Kinkakuji mới được ca tụng là kiến trúc tiêu biểu của thời kỳ văn hoá Kitayama.

¹²⁹ Khu vực núi non phía bắc thành phố Kyôto gồm các ngọn Funaoka, Kasagara và Iwakura. Tuy mang tiếng là núi (yama) nhưng chính ra chỉ là một khu vực gồm nhiều quả đồi thấp (oka).



Kinkakuji, tượng trưng cho kiến trúc văn hóa Bắc Sơn (Kitayama)

**Bảng tóm lược về văn hoá Bắc Sơn (Kitayama) ¹³⁰
(kéo dài từ cuối thế kỷ 14 sang đầu thế kỷ 15)**

Đặc điểm	-Đã phát triển dưới thời Shôgun thứ 3 Ashikaga Yoshimitsu -Chủ yếu là văn hoá Thiền tông đã được áp dụng vào nhiều lãnh vực. -Thơ văn chữ Hán phát triển qua trứ tác, dịch thuật và xuất bản. -Nhờ thuyền buôn, tiếp thu văn hóa Trung Quốc nhà Minh.
Kiến trúc	Kim các của Lộc Uyển Tự (Rokuonji Kinkaku)¹³¹ với kiến trúc lối tẩm điện và mang màu sắc Thiền tông. -Đông kim đường và Tháp năm tầng chùa Kôfukuji (Hưng Phúc Tự) xây lại năm 1425-1426 từ chùa cũ có từ năm 726-730 lại mang màu sắc Nhật Bản (Wayô = Hòa dạng).
Viên đình	Vườn của Rokuonji (Lộc Uyển Tự)
Tôn giáo	Hoàn thành chế độ Ngũ sơn thập sát ở Kyôto, Kamakura cũng như hệ thống chư sơn.
Hội họa	-Kanzan Jittoku zu (Hàn Sơn Thập Đắc đồ) của Shuubun (Chu Văn) -Hyônenzu (Biểu niệm đồ) của Jôsetsu (Như Chuyết) ở Taizôn (Thoái Tàng Viện) thuộc Myôshinji (Diệu Tâm Tự).

¹³⁰ Nguồn Nihonshi Zuroku (trang 128)

¹³¹ Sau khi nhường vị cho con trai là Yoshimochi, Yoshimitsu về sống ở phủ đệ Kitayamadono (Bắc Sơn điện). Nơi đây, vào năm 1398, ông cho dựng một gác vàng cao 13,6 m để chứa xá lợi (shariden). Sau khi Yoshimitsu chết, nhân vì ông được tặng pháp hiệu là Rokuonin (Lộc Uyển Viện) cho nên kim các đó được đổi tên thành Rokuonji (Lộc Uyển Tự). Kim các có 3 tầng: tầng thứ nhất là đình câu cá (điều đình) nhìn xuống hồ nước, kiến trúc theo lối tẩm điện (shindendzukuri), tầng thứ hai đặt tượng Phật Quan Âm kiến trúc thuần Nhật (Wayô). Còn tầng ba Kugyôchô (Cứ cánh đỉnh) lại theo kiến trúc Thiền tông với song và cánh cửa bằng ván. Tất cả đều được dát vàng. Sau chiến tranh gác bị thiêu hủy vì hỏa tai, phải xây lại mới.

	Kein shôchikuzu (Khê âm tiểu trúc đồ) tương truyền của Minchô (Minh Triệu) ở Konchiin (Kim địa viện) chùa Nanzenji (Nam Thiên Tự).
Văn học	-Văn học Gozan (Ngũ sơn) với các cao tăng kiêm văn nhân như Gidô Shuushin (Nghĩa Đường Chu Tín) và Zekkai Chuushin (Tuyệt Hải Trung Tân). -Ấn bản Gozan (kinh, truyện, thi ca) phổ biến.
Nghệ thuật	-Sarugaku (Viên nhạc) trở thành Nôgaku (Năng nhạc) (Tuồng Nô phát triển nhờ 4 rạp lớn Yamato shiza: Kanzei, Hôshô, Konbaru và Kongô). -Các đại sư (nhà lý luận, thầy tuồng kiêm diễn viên) Kan.ami (Quán A Di), Zeami (Thế A Di). -Tác phẩm lý luận Fuushikaden (Phong tư hoa truyền) của Zeami.

Kim các của Rokuonji (Lộc Uyển Tự) đã được mọi người coi như chính Rokuonji bởi vì sau khi Shôgun tạ thế, một phần lớn kiến trúc trong quần thể gồm biệt thự và tự viện đã mai một. Cái gác vàng đương thời hãy còn tồn tại cho đến sau Đệ Nhị Thế Chiến nhưng vào năm 1950, nó đã bị thần hỏa thiêu rụi và được xây lại vào năm 1955.

Cũng vào dưới thời Yoshimitsu, ông đã xây một ngôi chùa dành để cúng tế vong linh (bodaiji = bồ đề tự) cho dòng họ Ashikaga của mình. Đó là Shôkokuji hay chùa Tướng quốc. Từ ấy về sau, nhiều chùa Thiền được xây lên theo chế độ kanji (quan tự) tức chế độ “chùa nhà nước” mô phỏng cách thức Nam Tống. Chùa Thiền ở hai vùng Kamakura và Kyôto được gọi theo chế độ Gozan jissatsu hay “Ngũ sơn thập sát”¹³² bên Trung Quốc và tầm quan trọng của nó được qui định từ lớn đến nhỏ. Nhìn lại những gì xảy ra vào lúc đó, ta mới thấy ảnh hưởng các chùa Thiền đến chính trị và văn hóa thời ấy thật vô cùng to tát. Trong số những ngôi chùa quan trọng, trước tiên phải kể đến Ngũ sơn, rồi sau mới tới Thập sát¹³³.

Ngũ sơn của vùng Kyôto: Nanzenji (Nam thiên tự) (đứng riêng và cao hơn cả), Tenryuuji (Thiên long tự), Shôkokuji (Tướng quốc tự), Kenninji (Kiến nhân tự), Tôfukuji (Đông phúc tự), Manjuji (Vạn thọ tự).

Ngũ sơn của vùng Kamakura: Kenchôji (Kiến trường tự), Engakuji (Viên giác tự), Jufukuji (Thọ phúc tự), Jôchiji (Tĩnh trí tự), Jômyôji (Tĩnh diệu tự).

¹³² Trong thuật ngữ nhà Phật, sơn và sát đều có nghĩa là chùa.

¹³³ Chế độ quan tự này có đặc điểm là các trụ trì phải được nhà nước bổ nhiệm. Thực ra sau ngũ sơn, thập sát còn có shozan (chư sơn) tức những chùa còn lại. Qui chế đó gọi là “tam tự cách”. Theo sử liệu thì việc liệt kê và danh hiệu Gozan đã bắt đầu từ tháng 5 năm 1229 dưới thời Kamakura với Jôchiji (Tĩnh trí tự) ở Kamakura.

Thử nêu lên một ví dụ về những chùa Thiền và Thiền tăng đã đóng vai trò trung tâm của văn hóa Kitayama. Trong lãnh vực hội họa chẳng hạn, đó là những vị họa tăng như Minchô (Minh Triệu), Josetsu (Như Chuyết), Shuubun (Chu Văn) đã có công gây dựng một lối vẽ tranh thủy mặc nói lên được cái tâm cảnh (cảnh địa) của thiền gia. Tác phẩm tiêu biểu của mỗi người thì phải kể đến Gohyaku rakanzu (Ngũ bách La Hán đồ) tức tranh vẽ 500 vị La Hán của Minchô, Hyonenzu (Biều niêm đồ) tranh bắt cá namazu (một loại cá trê) bằng nơm của Josetsu¹³⁴ và Kanzan Jittokuzu (Hàn Sơn Thập Đắc đồ) vẽ hai thi tăng kỳ dị Hàn Sơn và Thập Đắc đời Đường.



Hyonenzu (Biều niêm đồ) của Josetsu (Như Chuyết)

Hoạt động của phái Gozan (Ngũ sơn) như thế kết hợp rất chặt chẽ với quyền trung ương Mạc phủ. Còn những người không thích dính líu với quyền lực, muốn tự do tu hành và hoạt động khuyến giáo cho dân chúng thì phải tìm về địa phương. Đó là những chùa rinka (lâm hạ). Điều đó có nghĩa họ không phải là “tùng lâm” như các chùa nhà nước mà còn ở hạng dưới thấp (hạ) nữa. Một chùa như Daitokuji (Đại đức tự) chẳng hạn, lúc đầu là một trong nhóm Gozan, ngang hàng với Nanzenji (Nam thiên tự) nhưng sau khi nhà sư phóng khoáng Ikkyuu Sôjun (Nhất Hưu Tông Thuần, 1394-1481) xuất hiện và xây dựng lại nó từ trên đổ nát thì đã trở thành một chùa rinka, nhưng là một rinka nổi tiếng.

Ngũ Sơn và Nhất Hưu¹³⁵

¹³⁴ Bức tranh này cũng là đề tài một kôan (công án) tức bài tập cho thiền sinh trong thiền vấn đáp. Tương truyền có đến 31 vị tăng Gozan đã viết những bài tán về nó.

¹³⁵ Nguồn: Ikkyuu, ransei ni ikiru zensha, NHK Book (Ichikawa Hakugen)

Nói đến Ngũ Sơn và Nhất Hưu tức là bàn về vấn đề “tri thức” của thời đại Muromachi. Ngũ Sơn, đọc theo âm Nhật là Gozan, có nghĩa là năm ngôi chùa (sơn) sắp theo thứ tự trên dưới trong hệ thống chùa chiền của tông Lâm Tế (Rinzai). Thời Mạc phủ Kamakura tông Lâm Tế cũng đã được trọng vọng và hệ phái này đã có mặt với Kiến Trường Tự và Viên Giác Tự rồi.

Thế nhưng lúc ấy vì áp lực của hai phái Thiên Thai và Chân Ngôn quá mạnh, Thiền Lâm Tế chưa có thể tổ chức thành Ngũ Sơn. Đến đời Thiên Hoàng Go Daigo thì ở Kyôto mới có Ngũ Sơn ở Kyôto khi hai ngôi chùa “lớn nhất trong thiên hạ” là Nam Thiền Tự (do Thiên hoàng Kameyama) và Đại Đức Tự (nơi Thiên hoàng Go Daigo đến khẩn nguyện) được lập ra. Lúc chính quyền vũ gia của họ Ashikaga đóng vai trò chủ đạo thì Shôgun đời thứ 3 Yoshimitsu đã hoàn tất được hệ thống Ngũ Sơn của cả Kamakura và Kyôto. Hệ phái các trụ trì Gozan đều là tăng chúng môn đồ của Musô Shoseki (Mộng Song Sơ Thạch), người đã qui y cho Shôgun đời thứ nhất là Takauji. Ngoài Ngũ Sơn còn có thập sát, tất cả là những quan tự, chịu sự bảo hộ của mạc phủ. Như thế, từ đó, phía triều đình và công khanh đã mất đi quyền quản lý tôn giáo cũng như cả giới trí thức vì đương thời, các cao tăng đều là những người tài cao, học rộng. Hệ thống Ngũ Sơn cho phép các thiền tăng nếu chuyên chú tu hành và học tập, có thể mở mặt với đời một khi leo được từ địa vị ở chư sơn lên đến ngũ sơn thập sát và đạt tới thượng đỉnh khi thành người trụ trì Nam Thiền Tự, ngôi chùa đứng cao nhất trong hệ thống. Lịch sử cho thấy các tăng lữ trong hệ thống Ngũ Sơn đều là những trí thức ưu tú và từng có cơ hội tham dự vào việc nội trị lẫn ngoại giao bên cạnh nhà nước.

Thiền cũng như Chu Tử học đều đến từ Trung Quốc. Nhiều thiền gia cũng quan tâm đến vấn đề tri thức, trung tâm của triết học Nho giáo. Các tăng sĩ Ngũ Sơn sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự hưng thịnh của việc nghiên cứu Chu Tử học dưới thời Edo về sau. Họ giỏi Hán văn, biết làm Hán thi, thông hiểu kinh điển, rành rẽ các thể văn thuyết pháp và ca tụng công đức (pháp ngữ và tán). Họ cũng trước tác nhiều tác phẩm cũng như phụ trách việc in ấn, phát hành chúng (Ngũ Sơn bản). Như thế, ảnh hưởng văn hoá của họ đã lan rộng đến các giới thương nhân, vũ sĩ và cả nông dân ở các tổng thôn nghĩa là mọi tầng lớp năng động trong xã hội.

Trong Ngũ Sơn, đặc biệt nổi tiếng hơn cả là phái Shôkokuji (Tướng Quốc Tự) với tăng Gidô Shuushin (Nghĩa Đường Chu Tín, 1325-1388) và phái Kenninji Nanzenji (Kiến Nhân Tự Nam Thiền Tự) mà Zekkai Chuushin (Tuyệt Hải Trung Tân, 1336-1405) giữ vị trí trung tâm. Đặc biệt phái Shôkokuji chú trọng về thơ. Shuushin cũng là học trò của Musô Soseki, đã thu thập thơ Tổng Nguyên thành tập Jôwashuu (Trình Hòa tập), tự mình cũng có thi tập riêng là Kuuwashuu (Không hoa tập). Ông cũng ghi chép lại những lời dạy dỗ của thầy mình trong Kuuwa Nichiyô Kuufu Ryakushuu (Không hoa nhật dụng công phu lược tập). Phía Kenninji Nanzenji thì giỏi về văn tứ lục biên ngẫu chữ Hán. Chuushin là người đồng hương và cùng theo một thầy (Musô Soseki) với Shuushin. Ông từng du học bên nhà Minh, khi về

nước, cũng có thời sống ở Shôkokuji. Ông có tập thi văn chữ Hán nhan đề Shoukenkô (Tiêu Kiên Cáo).

Thế nhưng bên cạnh tăng lữ Ngũ Sơn còn có một tăng sĩ, tuy đạt đến đỉnh cao danh vọng trong hàng giáo phẩm nhưng là một nhân cách khác phàm, và cũng vì đó, gây nhiều tranh cãi. Đó là Ikkyuu Sôjun (Nhất Hưu Tông Thuần, 1394-1481), hiệu Cuồng vân tử. Tương truyền ông là hồn máu rơi của Thiên hoàng Komatsu, vì hoàn cảnh đặc biệt đã được gửi vào An Quốc Tự từ năm 6 tuổi, suốt thời thanh niên tu hành khắc khổ nghiêm cẩn. Sau ông tìm đến Daitokuji (Đại Đức Tự, ngôi chùa đã bị loại ra ngoài hệ thống Ngũ Sơn), theo học với Hòa thượng Kasô (Hoa Tảo). Tuy nhiên càng tiếp xúc với cái tri thức Lâm Tế chính truyền, ông càng thấy sự trụ lạc tinh thần, bán rẻ tư tưởng nhà Thiền của họ. Không chịu nổi sự nguy hiểm của những đàn anh như Yôsô (Dưỡng Tảo), ông phê phán kịch liệt họ rồi giả điên (phong cuồng), chọn con đường Thiền tại gia và sống bình thường thay cho cách tu theo lối xuất gia gò bó trong chủ trương cấm dục. Tri thức về Thiền của ông phóng khoáng, mới mẻ, đã ảnh hưởng đến tinh thần sáng tạo của các trà sư như Murata Shuukô và các soạn giả tuồng Nô như Konparu Zenchiku.

Thi tập Cuồng vân tập (Kyôunshuu) của ông được xem như cuốn Thiền ngữ lục bằng thơ dù không thiếu những bài có chủ đề gần xa với tính dục. Thêm vào đó, mối tình lúc cuối đời với nữ thị giả Mori (xuất thân là một con hát mù) mà ông không cần che dấu, chứng tỏ tâm hồn thoát tục và phá chấp của ông.



Ikkyuu (Nhất Hưu), con người kỳ dị

1.2-Cơ cấu chính trị Mạc phủ Muromachi:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Mạc phủ Muromachi

Shôgun (Tướng Quân)

Địa Phương	Trung Ương
1- Shugo (Thủ hộ) → Jitô (Địa đầu) 2- Ôu tandai (Áo Vũ thám đề) phủ thủ hiến cai trị vùng Ôu (Đông Bắc) 3- Mutsu tandai (Áo châu thám đề) phủ thủ hiến cai trị vùng Mutsu (ở Đông Bắc) và để chống đối lực lượng Nam triều miền Mutsu. 4- Kyuushu tandai (Cửu châu thám đề) phủ thủ hiến cai trị Kyuushuu.	Kanrei (Quản lãnh) → trong đó có Sankanrei (Tam quản lãnh) ở trung ương. 1- Monchuujo (Vấn chú sở) có quan Shitsuji (chấp sự) coi việc văn thư và điều tra. 2- Samuraidokoro (Thị sở) có quan Shoji (Sở ty) coi việc cảnh bị Kyôto và hình sự. 3- Mandokokoro (Chính sở) có quan Shitsuji (Chấp sự) coi về hành chính, tài chính của nhà chúa) 4- Hyôjôshuu (Bình định chúng) → Hikitsukeshuu (Dẫn phụ chúng) lo việc điều tra tố tụng các lãnh địa) 5- Hôkôshuu (Phụng công chúng) Nha sảnh do Shôgun trực tiếp cai quản, lo việc hộ vệ và quản lý phủ chúa.
5- Vùng đặc biệt: Kamakura-fu (Phủ Kamakura), nơi đây có đại diện Shôgun là Kamakura Kubô quản hạt 10 tiểu quốc → Kantô Kanrei (Quan đông quản lãnh) phụ tá cho Kubô, người đại diện Shôgun → Bốn cơ sở coi về tố tụng (hyôjô), cảnh bị (samurai), hành chính (mandokoro), điều tra và quản lý văn thư (monchuu).	

Người trông coi Phủ Kamakura được xem như lãnh đạo một triều đình nhỏ ở miền Đông, thường có liên hệ huyết tộc gần với Shôgun, chức danh là Kamakura kubô (công phương). Vùng ông ta cai quản gồm 10 tiểu quốc (ngoài 8 tiểu quốc của vùng Kantô còn thêm hai vùng Izu và Kai). Người giữ chức Kantô Kanrei phụ giúp Kamakura kubô, được thế tập trong vòng dòng họ Uesugi (họ hàng nhà Shôgun). Còn ở trung ương thì ba vị Kanrei hay sankanrei - “tam quản lãnh” - được chỉ định từ ba gia đình thế thân Hosokawa, Shiba và Hatakeyama để thay phiên nhau giúp Shôgun như thủ tướng. Coi việc cảnh bị cũng là đặc quyền giữa 4 dòng họ Akamatsu, Isshiki, Yamana và Kyôgoku mà thôi.

Chúng ta đã bàn qua về tổ chức chính quyền và hoạt động văn hóa, đặc biệt là dạng thức

văn hóa Kitayama, dưới thời Shôgun Yoshimitsu. Sau đây ta sẽ xác nhận một lần nữa về tổ chức cơ cấu chính trị thấy trong sơ đồ ở phía trên.

Trước tiên, ở trung ương, nhà chúa thiết lập một chức Kanrei (Quản lãnh) để phụ tá mọi việc cho Shôgun và đây là chức danh cao nhất sau ông. Người kanrei này cai quản cả việc cảnh bị của cơ quan Samuraidokoro lẫn việc hành chính của Mandokoro. Ngoài ra, đối với việc phòng thủ các tiểu quốc, Kanrei cũng sẽ là người truyền đạt các mệnh lệnh của Shôgun. Như thế, kanrei giữ vị trí trung tâm của chính quyền Mạc phủ.

Kẻ đạt được đến địa vị cao cả đó phải là người một trong 3 chi của nhà Ashikaga, đó là họ Hosokawa, Shiba và Hatakeyama, tục gọi là sankanrei (tam quản lãnh). Họ thay nhau kế nhiệm vào chức ấy. Đó là những shugo (thủ hộ = như tổng binh) có thực lực. Họ Hosokawa chẳng hạn, đã nắm chức shugo các vùng Settsu, Tanba, Sanuki, Awa, Tosa, Iyo ... nói chung là chung quanh kinh đô và trên đảo Shikoku gần đó. Họ Shiba là shugo các vùng Echizen, Owari, Tô-tô-mi, Mutsu, Dewa ... nghĩa là miền đông và vùng phía bắc đảo Honshuu. Còn như họ Hatakeyama thì họ nắm giữ các phần đất Etchuu, Noto, Kawachi, Hyuuga, Izu ... rải rác từ miền trung Nhật Bản đến đảo Kyushuu. Trong một chế độ bố trí các shugo vốn rất phức tạp, 3 họ nói trên đã chiếm 3 vị trí địa lý chính trị (geopolitics) vô cùng quan trọng.

Nhân đây cũng xin nhắc lại rằng chức danh shugo (thủ hộ) đã có từ thời Kamakura. Mục đích mạc phủ đặt ra chức ấy là – như cái tên của nó cho biết – nhằm duy trì trị an ở từng địa phương (tiểu quốc) trên toàn cõi. Tuy về danh nghĩa, shugo thời Muromachi không khác shugo đời trước bao nhiêu nhưng trên thực tế, quyền hành của họ ở bên trong vùng đất được ủy nhiệm trông coi thì lớn hơn nhiều. Chẳng hạn cho đến lúc đó, nhà nước chỉ qui định họ có quyền xử lý daihan sankajô (đại phạm tam cá điều) tức ba tội trọng thì nay, họ được gia thêm quyền xét đến hai tội trọng khác. Một là karita rôzeki (ngải điền lang tịch¹³⁶) tức là hành động tự tiện đi cắt lúa trên một đám ruộng còn đang trong thời kỳ tranh chấp chưa ngã ngũ. Hai là shisetsujungyô (sứ tiết tôn hành) tức là quyền hạn ban cho shugo để chấp hành một cách cưỡng chế một quyết định tài phán nào đó đến từ mạc phủ. Hơn nữa về lãnh quốc tức là địa phận mà họ có nhiệm vụ thủ bị thì quyền quản hạt ấy từ nay trở đi sẽ được truyền từ đời nọ sang đời kia cho người trong gia đình họ theo chế độ thế tập. Do đó, thông thường khi người viết sử muốn phân biệt chức shugo thời Muromachi với chức shugo thời Kamakura thì họ dùng chữ shugo daimyô

¹³⁶ Đây là một lối đặt tên rất thú vị. Ngải có nghĩa là cắt cho nên ngải điền nghĩa là cắt lúa. Lang là con chó sói ý nói hành động buông tuồng. Tịch là thâu thập hay chiếm đoạt như trong cách nói tịch thu, tịch biên. Chữ lang tịch có trong Sử Ký ý nói việc làm bừa bãi, không đúng phép tắc.

(thủ hộ đại danh = vừa giữ chức thủ bị vừa là chủ nhân ông của lãnh địa) để gọi những vị shugo mới mẻ này.

Thế rồi, dưới quyền lãnh đạo của chức Kanrei, Mạc phủ Kamakura đã rập theo khuôn mẫu của những người tiền nhiệm thời Kamakura để dựng lên một cơ cấu hành chánh và quan liêu. Trước tiên, để trông coi việc binh, họ cũng đặt một Samuraidokoro (Thị sở). Sở này còn có nhiệm vụ thống suất các samurai, lo việc bảo vệ và tài phán về mặt hình sự ở kinh đô Kyôto và kể từ năm 1353 (Bunna 2) trở đi, kiêm cả việc thủ bị tiểu quốc Yamashiro tức vùng ngoại vi kinh thành. Phận sự kiêm nhiệm việc thủ bị vùng Yamashiro là một điểm cần đặc biệt chú ý. Người đứng đầu Samuraidokoro có danh hiệu là Shoshi (Sở ty), còn có cách gọi khác là Mandokoro-tônin (tônin = đầu nhân, người đứng đầu). Dưới thời Mạc phủ Muromachi, đã có tập quán là người được bổ vào chức này phải nằm trong 4 tộc (giống như có 3 tộc được đặc quyền thay phiên giữ chức Kanrei). Ấy là các tộc Akamatsu, Isshiki, Yamana và Kyôgoku. Người ta thường gọi những người đứng ở vị thế nói trên (Kanrei và Mandokoro-tônin) là Sankanshishiki (Tam quản - tứ chức). Xin nhắc lại là chức kanrei nằm trong tay 3 tộc khác (Hosokawa, Shiba và Hatakeyama) chứ không phải 4 họ này.

Có thể nói Mạc phủ Muromachi là một chính quyền tập đoàn hình thành từ sự liên kết của các shugo. Hệ luận của việc này là những shugo có thể lực và đặc quyền chiếm giữ những chức vụ trọng yếu đều không thường trú ở các địa phương mình lãnh đạo mà phải có mặt ở Kyôto bên cạnh Mạc phủ để theo dõi chính vụ. Công việc quản lý trực tiếp tiểu quốc họ quản lãnh (từ nay xin tạm dùng chữ “lãnh quốc” cho gọn) thì đã có người đại diện hay đại lý là chức shugodai (thủ hộ đại). Thế nhưng việc vai chính đi xa và vai phụ nắm quyền sẽ trở thành - rồi như ta sẽ thấy - mầm mống của những cuộc nội loạn. Điều này có nghĩa là một khi shugo rời lãnh quốc thì người shugodai ở lại giữ nhà cho ấm chỗ (có tên nôm na là “người trong nước” (quốc nhân), đọc là kokunin hay kokujin) sẽ có khuynh hướng bành trướng thế lực riêng của mình và trở thành nhân vật quan trọng hơn hết của địa phương.

Ngoài ra, việc trông coi tài chánh của Mạc phủ đặt dưới quyền của Mandokoro (Chính sở) mà người trưởng quan của nó có tên là Shitsuji (Chấp sự) cũng chỉ được cho thế tập trong giới hạn trong một họ Ise mà thôi. Việc ký lục và tổ tụng thì nằm dưới sự kiểm soát của Monchuujo (Vấn chú sở). Trưởng quan tức chấp sự của sở này phải là người họ Miyoshi, một gia đình có truyền thống thế tập từ đời Kamakura. Cũng nhắc lại một điều đã nói đến bên trên là sự hiện hữu của hai tổ chức Hyôjôsho (Bình định sở) và

Hikitsukeshuu (Dẫn phụ chúng) ở cấp hành chánh trung ương.

Thứ đến, xin trình bày về tổ chức chính quyền địa phương. Địa phương mà Mạc phủ coi trọng nhất dĩ nhiên là chỗ xuất phát của chính quyền vũ gia, không chỉ khác hơn là Kamakura. Cho nên Mạc phủ đã đặt ra Kamakura-fu (fu= phủ) để cai trị tám tiểu quốc¹³⁷ của vùng Kamakura (Quan đông) gọi là Kanhasshuu (Quan bát châu) cộng thêm hai phần đất liên hệ là Izu và Kai thành ra 10 (thập quốc) (Về sau còn gia thêm vào đó hai tiểu quốc khác miền Đông Bắc là Mutsu và Dewa). Người trưởng quan của Kamakura-fu có tên là Kamakura kubô (kubô = công phương).

Kubô (công phương) là danh hiệu xưa kia dùng để chỉ “triều đình”. Dưới thời Muromachi, nó được dùng mỗi khi nói về Shôgun. Trưởng quan ở Kamakura-fu chắc cũng được coi như đại diện tại chỗ của triều đình nên mới mang danh hiệu như vậy. Dám có danh hiệu giống như Shôgun thì người đứng đầu Kamakura-fu phải là một nhân vật quyền quý và thân cận với nhà chúa biết nhường nào. Thực thế, trưởng quan đầu tiên ở phân phủ Kamakura không ai khác hơn là Ashikaga Motouji (Túc Lợi Cơ Thị, 1340-1367), con trai của Shôgun đời thứ nhất Takauji. Sau đó chức Kamakura kubô này được truyền xuống cho con cái cháu chắt của Motouji. Riêng về người được đặc quyền phụ tá cho Kamakura kubô thì được gọi là Kantô kanrei (Quan Đông quản lãnh). Chức này lại là độc quyền đời đời của gia đình Uesugi. Nguồn gốc họ Uesugi là họ Fujiwara. Thời xưa, gia đình quý tộc Fujiwara có người tên Shigefusa (Trọng Phòng) xây một gia trang tên Uesugi-shô (Thượng Sam trang)¹³⁸ ở Ikaruga thuộc Tanba. Sang thời Mạc phủ Kamakura thì ông ta theo chân Hoàng thân Munetaka (Tướng quân đời thứ 6)¹³⁹ vào đất Kantô mà lập nghiệp, lấy họ Uesugi. Shigefusa đã gả cháu nội là Uesugi Seishi (hay Seiko, Thanh tử) cho họ Ashikaga và bà này chính là mẹ của anh em Takauji (Tôn Thị) và Tadayoshi (Trực Nghĩa). Do đó liên hệ giữa hai gia đình rất mật thiết. Kể từ khi Uesugi Noriaki (Hiển Hiển) giữ chức Kantô kanrei vào năm 1363 (Jôchi 2) thì tước ấy được thế tập. Nhân đây cũng xin báo trước là kể từ khi Uesugi Noriaki lãnh chức Kantô kanrei thì trong những người thừa kế của ông đã nảy ra một cuộc tranh chấp nội bộ kéo dài nhiều thế hệ giữa một bên là họ Uesugi cánh vùng Yamanouchi và một bên là họ Uesugi cánh vùng Ôgigayatsu.

¹³⁸ Sugi = cây tuyết tùng (Japanese cedar) tàng cây thẳng tắp và cao có khi đến 50m, hình viên trụ, thường thấy trong núi rừng miền đông Nhật Bản.

¹³⁹ Hoàng thân Munetaka (Tông Tôn, tại chức Shôgun từ 1252-1266) là con trai Thiên hoàng Go-Saga, được mời giữ chức Shôgun cho Mạc phủ Kamakura, bị nghi mưu phản bị bọn họ trả về Kyôto. Sau ông đi tu.

Nhân vì Mạc phủ lần này thành lập ở Muromachi thuộc Kyôto, việc cai trị vùng đất cũ là nơi căn cứ địa của chính quyền vũ sĩ đã phải đặt trọn vào tay Kamakura-fu. Do đó, phủ ấy có một tổ chức đồng dạng và quyền hạn rất lớn, ngang ngửa với Mạc phủ. Trên thực tế, sự kiện này đã là cơ hội làm cho đôi khi bùng lên các cuộc xung đột giữa phân phủ Kamakura với Mạc phủ ở Kyôto.

Năm 1438 (Eikyô 10), việc phải đến rồi cũng đến. Người cầm đầu phân phủ Kamakura là chức Kubô Ashikaga Mochiuji (Túc Lợi Trì Thị, 1398-1439) xưa nay vốn đã không ăn ý với Mạc phủ ở Kyôto, tỏ ra muốn chống đối Shôgun đời thứ 6 là Ashikaga Yoshinori (Nghĩa Giáo, tại chức 1429-1441, con trai Yoshimitsu). Yoshinori liền hạ lệnh thảo phạt. Năm sau Motouji đã phải tự sát. Sử chép đó là cuộc loạn năm Eikyô (Eikyô no hen). Lợi dụng việc này, họ Uesugi đang giữ chức Kantô kanrei đã bành trướng thế lực của mình. Đây cũng là một sự kiện có tầm quan trọng đặc biệt.



Di tượng Shôgun Yoshinori, nhà lãnh đạo nổi tiếng hung bạo

Ngoài ra vào thời này, về tình hình cai trị ở địa phương thì vùng Mutsu (Lục Áo) được đặt dưới quyền quản lý hành chánh của Ôshuu tandai (Áo châu thám đề), trong khi đó Ushuu (Vũ châu thám đề) là một tổ chức mới tách ra khỏi Ôshuu tandai để trông coi vùng Dewa (Xuất Vũ). Ở Kyuushuu thì cũng đã có Kyuushuu tandai cai quản như một phủ thủ hiến trên đảo.

Còn ở các tiểu quốc thì vẫn như xưa là có shugo coi việc thủ bị trong vùng và các jitô lo việc quản lý trang viên. Đó là những chức quan cai trị trực tiếp ở địa phương. Mạc phủ đặc biệt ra sức chu toàn việc đặt các chức shugo. Chung quanh Kyôto và vùng Kinki bao bọc nó, shugo hầu như phải là những người đồng tộc của nhà Ashikaga để bảo đảm sự an toàn và ổn định cho chính quyền. Ngoại lệ chỉ có một số họ bề tôi thân tín như

Akamatsu và Toki... là cùng. Tuy phải nhắc đi nhắc lại một điều đã có lần nói đến bên trên nhưng quả thật, Mạc phủ Muromachi nếu sống còn được chỉ là nhờ sự ủng hộ và hiệp lực của các shugo mà thôi.

1.3-Sức mạnh quân sự và kinh tế của Mạc phủ.

Sau đây chúng ta thử tìm hiểu sức mạnh quân sự và kinh tế của Mạc phủ. Không phải cứ hễ Mạc phủ thành hình là kinh tế ổn định ngay được. Vả lại sức mạnh quân sự cũng không có thể củng cố một sớm một chiều. Do đó, sự chinh đồn quân sự và kinh tế vào buổi đầu là một công việc có tính quyết định của chính trị Mạc phủ.

Trước tiên, hãy thử ghé mắt nhìn vào tình hình tài chính của Mạc phủ vốn do cơ quan tên là Mandokoro (Chính sở) trông coi. Về cơ bản mà nói, tài chánh là một lãnh vực Mạc phủ trực tiếp quản lý, do một tổ chức riêng gọi là Goryosho (Ngự liệu sở) chấp hành, gồm việc trưng thu các nguồn lợi từ thuế cống (hay nengu = niên cống), công sự (kuji), phu dịch (fuyaku). Các nguồn lợi này là bộ phận căn bản của thu nhập đối với Mạc phủ. Tuy nhiên để có đủ phương tiện vận hành bộ máy cai trị trên toàn quốc, bấy nhiêu nguồn lợi chưa thấm vào đâu cả. Chúng ta sẽ không lấy gì làm lạ khi thấy mạc phủ còn nghĩ thêm nhiều cách sinh lợi khác.

Một nguồn tài nguyên quý giá của Mạc phủ là tiền phụ đảm (buntankin = phân đảm kim) mà các shugo phải chia nhau đóng góp và các món tiền thuế (fukakin = phú khoá kim) đến từ các jitô và các go-kenin. Các loại nguồn lợi phụ ấy có tên như sau đây:

-Thuế nhà kho, thuế quán rượu: Ở Kyôto có các nhà kho cho thuê giá cao và các tiệm rượu làm thêm nghiệp vụ cầm đồ. Thuế này đánh vào tiền thu từ việc cho mượn kho hàng và các món đồ đem cầm cho các tiệm rượu cũng như số hũ rượu trong tiệm rượu. Tuy nhiên người phải nộp thuế là các chủ nhà kho cỡ lớn và tập thể các tiệm rượu. Những nhóm người này có danh hiệu là nôsenkata (nạp tiền phương = người nộp tiền thuế). Hai loại thuế ấy gọi là kurayaku (thuế nhà kho) hay sakayayaku (thuế quán rượu). Đáng lý ra phải phân biệt yaku (= dịch, tiền trưng thu, duty) là trường hợp của họ với zei (thuế = tax), nhưng xin gọi chung là thuế cho gọn.

-Thuế thông hành: thu tiền khách qua đường ở những trục giao thông. Nếu là cửa ải thì gọi là sekisen (quan tiền) vì quan có nghĩa là cửa ải. Tsuruyô (tân liệu) nếu là bến vì tân có nghĩa là bến.

-Thuế diện tích ruộng: Gọi là tansen (đoạn tiền) vì đơn vị đo diện tích ruộng ngày xưa gọi là tan (đoạn), mỗi tan là 991,7m². Thuế này thu tạm thời (không phải là một loại thuế vĩnh viễn) và áp dụng cho tất cả các loại ruộng từ công đến tư (cả công lãnh trang viên). Vì thuế được đánh một cách bình đẳng như thế nên có tên ikkoku heikinyaku (nhất quốc bình quân dịch).

-Thuế nóc gia : Mỗi nóc gia đều phải đóng thuế riêng. Tên Nhật gọi là munabetsuzen (đóng biệt tiền). Đóng (mune, muna) nghĩa là nóc gia.

-Quan thuế: khi buôn bán với nhà Minh, phải nộp 10% trên huê lợi đến từ mậu dịch. Thuế này có tên là chyuubunsen (trừ phân tiền). Trừ phân có thể hiểu là “trích ra”.

-Thuế quan tự: Những ai trở thành trụ trì một chùa nhà nước (quan tự) cõ các chùa Thiên vào hạng Ngũ sơn thập sát đều có bổn phận nộp một loại “quan tiền” cho nhà nước. Món thuế này có tên là kumonzen (công văn tiền).

-Thuế từ đường: Tiền cúng tiền để sửa sang chùa chiền gọi là shidôsen (từ đường tiền).

Ngoài ra, hãy còn nhiều thứ thuế khác, không kể ra hết được. Nhìn chung, ta thấy nhà nước thời đó đã biết đánh thuế vào những hoạt động kinh tế (kho, tiệm rượu, mậu dịch quốc tế) và hoạt động bên ngoài kinh tế nữa (thuế quan tự, thuế từ đường, thuế nóc gia...) chứ không bằng lòng với những loại thuế đến từ đất đai và nông nghiệp (tô, dung, điệu). Tóm lại, Mạc phủ Muromachi gặp khó khăn trong khi muốn cân bằng ngân sách đã phải đánh đủ mọi thứ thuế vào dân chúng.

Về mặt võ bị thì xây dựng một lực lượng quân sự để phò tá Shôgun trong việc hành sử quyền bính và trị an là điều không thể thiếu được cho chính quyền mới. Trước khi anh em nhà Ashikaga nắm được chức Shôgun thì họ chẳng qua là một gia đình go-kenin của Mạc phủ Kamakura. Sức mạnh cùng lắm chỉ bằng một shugo có thể lực mà thôi. Takauji, Shôgun đầu tiên của Mạc phủ Muromachi chưa có đủ sức bứt phá các shugo khác. Do đó, việc làm của các Shôgun đầu tiên là tập hợp bọn gia thần và những shugo từng ủng hộ dòng họ Ashikaga để tạo nên một bộ đội chủ lực do người nhà mình trực tiếp điều khiển. Những người này có tên là Hôkôshuu (Phụng công chúng). Bộ đội Hôkôshuu gồm trên dưới 500 người và chia thành 5 đội. Họ có trách nhiệm hộ vệ Shôgun ở kinh đô và giữ an ninh cho các goryôsho (ngự liệu sở tức gia trang, estate) trực tiếp thuộc quyền

Shôgun nằm rải rác khắp nơi trong nước. Họ cũng có trách nhiệm khiên chế để các shugo địa phương không phản lại mạc phủ.

Cứ như thế mà thể chế của mạc phủ dần dần được củng cố. Yoshimitsu (Nghĩa Mãn), Shôgun đời thứ 3 còn nhắm việc áp chế các shugo từng lợi dụng cảnh loạn lạc mà tăng thêm thế lực. Qua quá trình ấy – và điều này sẽ được bàn thêm trong phần sau – ông đã thành công trong việc lần lượt tiêu diệt các dòng họ mạnh như Toki, Yamana, Ôuchi để ổn định quyền lực của phủ chúa.

Cụ thể là vào năm 1390 (Meitoku nguyên niên), Yoshimitsu thừa dịp trong họ Toki (Thổ Chi, vốn giữ chức shugo của 3 tiểu quốc Mino, Owari và Ise) đang xảy ra một vụ hôn loạn vì tranh chấp quyền gia trưởng (gia đốc = katoku) mà thảo phạt và đã dẹp tan được họ.

Sau đó, vào năm 1391 (Meitoku 2), ông lại can thiệp vào cuộc tranh chấp nội bộ của dòng họ Yamana (Sơn Danh). Dòng họ này rất lớn vì một mình nó đã kiêm nhiệm chức shugo của 11 tiểu quốc trong số 66 trên toàn cõi. Vì có ấy mà người ta gọi họ Yamana là Rokubu no ichi-shuu hay Rokubu no ichidono (Mấy ông 1 phần 6). Thanh thế của họ bao trùm cả một vùng San.in và San.yô tức trọn miền nam đảo Honshuu. Người đứng đầu họ Yamana lúc ấy là Ujikiyo (Thị Thanh) bị mạc phủ diệt. Sử gọi là Meitoku no ran (cuộc biến loạn năm Meitoku).

Lại nữa, bước qua năm 1399 (Ôei 6), người họ Ôuchi (Đại Nội) là Yoshihiro (Nghĩa Hoảng, 1356-1399), một nhân vật thế lực của dòng họ kiểm soát cả 6 tiểu quốc, tỏ ra bất mãn với chính trị của Yoshimitsu. Ông bèn cộng mưu với chức Kamakura Kubô đương thời là Ashikaga Mitsukane (Túc Lợi Mãn Kiêm, 1378-1409), cử binh ở thành phố Sakai. Kết quả là ông bị Yoshimitsu tru diệt. Cuộc chiến đấu này có tên là Ôei no ran (Cuộc biến loạn năm Ôei). Như thế, cả 3 trường hợp, ta đều thấy đó đều là những cuộc đàn áp các shugo có thế lực mà có thể Yoshimitsu là người đã xách động (hay tự biên tự diễn).

Trong thời gian trước khi những cuộc đàn áp ấy xảy ra, quyền lực của các shugo nói chung đã mạnh hơn so với thời Kamakura nhưng vì họ lấn lướt quá lỗ làm cho mạc phủ cảm thấy nhức đầu. Vừa cần sự hợp tác của các shugo, vừa muốn thống nhất đất nước, mạc phủ chỉ chấp nhận quyền hạn của shugo đến một chừng mực nào đó thôi. Nếu có một shugo nào quá nổi trội thì không sao tránh khỏi việc người ấy dòm ngó cái ghế

Shôgun. Mâu thuẫn của mạc phủ nằm ở chỗ đó.

Điều quan trọng đối với phủ chúa là vừa kiểm soát được các shugo vừa nương dựa được vào sức mạnh của họ để gom châu đất nước về một mối. Mạc phủ phải điều hành khéo léo làm sao để giữ được sự thăng bằng của chế độ gọi là shugo ryôgoku (thủ hộ lãnh quốc). Nếu thế quân bình ấy mất đi, sự xung đột giữa các shugo sẽ xảy ra và không chỉ ở một nơi. Về mặt địa lý thì 5 cuộc chinh phạt đã diễn ra trên khắp miền đất Nhật Bản từ đông sang tây, từ bắc xuống nam: loạn năm Eikyô (1438) của Ashikaga Mochiuji ở Kamakura, loạn năm Meitoku nguyên niên (1390) của họ Toki gần Kyôto, loạn năm Meitoku 2 (1391) của họ Yamana cũng gần Kyôto, cuộc loạn năm Kakitsu (1441) của họ Akamatsu ở vùng Harima cạnh biển nội địa Seto, cuộc loạn năm Ôei (1399) của họ Ôuchi ở vùng cực nam đảo Honshu.

Việc các shugo có thêm quyền hạn đến từ hai sự kiện. Xin được giải thích. Trước tiên là việc ban bố Hanzeirei (Bán tế lệnh, Lệnh cấp cho phân nửa) vào năm 1352 (Bunna nguyên niên). Lệnh này xuất hiện trong một văn bản tên là Kenmu irai tsuika nghĩa là “Những pháp lệnh thêm vào kể từ thời Kenmu”. Thêm vào cái gì thì rõ ràng là thêm vào các pháp lệnh đã sẵn có ở trong Go Seibai shikimoku (Ngự thành bại thức mục), bộ luật cơ bản của giới vũ sĩ Kamakura. Trong phần “liên quan đến các trang viên thuộc về công khanh hay tự viện thần xã”, ta thấy viết như sau: “Việc tranh chấp nội bộ xảy ra ở các tiểu quốc làm cho tình trạng đền chùa hoang phế và các lãnh chủ trang viên đi đến chỗ khốn cùng, Vậy từ nay, lệnh cho các shugo phải thực thi việc đình chỉ mọi sự xâm phạm đến các trang viên. Kẻ nào không nghe theo thì hãy tịch biên 1/3 lãnh địa của đương sự. Còn trường hợp kẻ đó không có đất đai thì bắt đi đầy.” Sau phần đó còn thấy viết: “Phân nửa lãnh thổ của ba tiểu quốc Ômi, Mino, Owari có thể dùng làm đất để cung cấp binh lương” Binh lương đây có nghĩa là lúa gạo dành cho quân đội (hyôromai = binh lương miễn). Tóm lại, Mạc phủ Muromachi cho phép các shugo được dùng phân nửa thuế công thu được từ các trang viên và công lãnh trong phạm vi tiểu quốc của mình vào chi phí quân sự nếu chi phí ấy có mục đích trị an (ổn định tình hình có lợi cho phủ chúa). Lệnh này lúc đầu được ban ra để dùng thử một năm và giới hạn trong 3 tiểu quốc lúc đó đang ở tình cảnh loạn lạc nghiêm trọng: Ômi, Mino và Owari.

Tuy nhiên, đối với các shugo, có chi béo bở bằng cái lộc này nên chẳng mấy chốc, Lệnh Hanzei (Lệnh cấp cho phân nửa) đã lan rộng ra trên toàn cõi và trở thành một đạo luật áp dụng thường xuyên. Không những các shugo chỉ lấy phân nửa hoa màu thuế công mà họ còn chia cắt cả đất đai của nghịch thần để chiếm hữu. Đặc biệt ở tiểu quốc nào có

nhiều công lãnh, shugo càng có dịp nói rộng phần đất chiếm hữu của mình và cứ như thế, tình trạng nói trên đã đưa đến một thể chế mà theo đó, shugo chi phối tất cả đất đai trong tiểu quốc của mình. Đó là shugo ryôkokusei (thủ hộ lãnh quốc chế). Chế độ này đã được các shugo phát triển một cách êm thấm theo ý riêng. Những dòng họ Akamatsu, Ôuchi, Toki và Uesugi... là đại diện tiêu biểu cho sự bành trướng thế lực như vậy.

Sự kiện thứ hai đã đưa đến sự bành trướng ấy có tên là chế độ shugouke (thủ hộ thỉnh). Vì “thỉnh” có nghĩa là mời (nếu uke viết bằng mặt chữ Hán khác (chữ thụ) lại có nghĩa là nhân lãnh hay thừa hành) nên có thể hiểu là các chủ trang viên và lãnh địa đã “ký thác” việc kinh doanh đất cát của mình cho shugo. Thay vào đó, chủ trang viên chỉ bắt shugo phải nộp mỗi một số tuế cống. Đây cũng là một cơ hội để giúp các shugo bành trướng thế lực một cách hữu hiệu. Điều đó chứng minh rằng hình thức áp phong và phiên trấn Nhật Bản không phải dùng một cái mà xuất hiện. Nó đã phát triển từ từ trong dòng lịch sử và hai chế độ hanzei cũng như shugo.uke nói trên đều đóng vai trò không nhỏ.

Trên đây, chúng ta đã điếm qua hình thức cai trị của Mạc phủ Muromachi. Từ bây giờ, chúng ta hãy xem kể từ khi có cuộc thống nhất của hai triều Nam Bắc (Nanbokuchô), tình hình chính trị của mạc phủ cũng như văn hóa và xã hội đương thời đã diễn tiến như thế nào.

Tiết 2: Nụy khẩu và chính sách đối ngoại của Mạc phủ.

2.1 Nụy khẩu và mậu dịch Nhật Minh:

Trong phần này, chúng ta thử quan sát chính sách ngoại giao của Mạc phủ Muromachi trong suốt 180 năm trải qua 15 đời Shôgun. Đồng thời đại với Mạc phủ Muromachi (1336-1573) nhưng kéo dài mãi về sau là nhà Minh (1368-1644) bên Trung Quốc và họ Rhee (hay I, Lý, 1392-1910) ở Triều Tiên.

Dưới thời Ashikaga Takauji cai trị Nhật Bản, có một vị tăng tên Musô Soseki (Mộng Song Sơ Thạch, 1275-1351) thuộc tông Rinzaï (Lâm Tế), môn phái Zen (Thiền) có ảnh hưởng rất lớn đến tầng lớp vũ gia cao cấp tự thời Kamakura. Vị này đã khuyên nhà chúa nên xây một ngôi chùa (đó là Tenryûuji hay Thiên Long Tự) để an ủi oan hồn của Thiên hoàng Go-Daigo (Hậu Đề Hồ, trị vì 1318-1339, sống 1288-1339), người bị Shôgun Takauji phản bội trong cuộc trung hưng thời Kenmu và đã uất hận đến nổi ly khai, bỏ